

Số: 41/QĐ-THNG

Nam Trục, ngày 10 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi NSNN quý I năm 2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về công khai của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Xét đề nghị của Bộ phận tài vụ trường tiểu học Nam Giang

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi NSNN quý I năm 2026 của trường tiểu học Nam Giang

(Theo biểu đính kèm)

Điều 2. Hình thức công khai: Trên Website nhà trường. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Ban giám hiệu, bộ phận tài vụ và các tổ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng KT-HT;
- Công thông tin điện tử
- Lưu: VT.



Ngô Văn Nghi

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÍ I - NĂM 2026

I/ Tổng kinh phí đã thực hiện: 6 604 490 064 đồng
Trong đó: 1. Kinh phí tự chủ: 4 397 940 064 đồng
2. Kinh phí không tự chủ: 2 206 550 000 đồng

Thuyết minh chi tiết

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung chi	Kinh phí đã sử dụng	Ghi chú
I	KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	2.206.550.000	
1	Giáo dục tiểu học	2.206.550.000	
2	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	9.000.000	
3	Khác	9.000.000	
4	Chi khác	2.197.550.000	
5	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	2.177.550.000	
6	Chi các khoản khác	20.000.000	
II	KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	4.397.940.064	
1	Giáo dục tiểu học	4.397.940.064	
2	Tiền lương	2.221.598.317	
3	Lương theo ngạch, bậc	2.221.598.317	
4	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	42.042.583	
5	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	42.042.583	
6	Phụ cấp lương	1.305.845.300	
7	Phụ cấp chức vụ	22.112.700	
8	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	39.924.900	
9	Phụ cấp ưu đãi nghề	768.820.700	
10	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	702.000	
11	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	472.179.000	
12	Phụ cấp khác	2.106.000	
13	Phúc lợi tập thể	133.320.000	
14	Chi khác	133.320.000	
15	Các khoản đóng góp	592.529.000	
16	Bảo hiểm xã hội	484.573.100	
17	Bảo hiểm y tế	80.967.000	
18	Bảo hiểm thất nghiệp	26.988.900	
19	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	23.961.600	

20	Chi khác	23.961.600	
21	Thanh toán dịch vụ công cộng	8.407.264	
22	Tiền điện	8.407.264	
23	Vật tư văn phòng	4.450.000	
24	Văn phòng phẩm	1.500.000	
25	Khoản văn phòng phẩm	2.220.000	
26	Vật tư văn phòng khác	730.000	
27	Hội nghị	6.000.000	
28	Chi phí khác	6.000.000	
29	Công tác phí	2.000.000	
30	Khoản công tác phí	2.000.000	
31	Chi phí thuê mướn	15.900.000	
32	Thuê lao động trong nước	15.900.000	
33	Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các	7.710.000	
34	Các thiết bị công nghệ thông tin	5.270.000	
35	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	2.440.000	
36	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	25.416.000	
37	Chi mua hàng hóa, vật tư	7.246.000	
38	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	18.170.000	
39	Chi khác	3.810.000	
40	Chi các khoản khác	3.810.000	
41	Chi cho các sự kiện lớn	4.950.000	
42	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn	4.950.000	
	Tổng cộng	6.604.490.064	

Nam Trục, ngày 10 tháng 04 năm 2025

Trưởng đơn vị



Ngô Văn Nghi